

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 1

inhibit SO from doing something
to keep up one's spirits
to keep up a correspondence
to be indifferent to SO
to be concerned about
make a (very) good impression on SO
take notice of SO/ STh
Try one's best to-V = make effort to-V

quan tâm
vẫn cứ tiếp tục thư từ qua lại
sự chú ý, sự để ý, sự nhận biết
giữ vững tinh thần
thờ ơ , làm ngơ ai
ngăn chặn, kiềm chế ai làm gì
cố gắng nỗ lực để làm gì
tạo ấn tượng tốt (lên) ai / cái gì

No	Word	Meaning
1		theo nghĩa đen
2		phản ánh
3		rành mạch, rõ ràng, cụ thể
4		làm suy yếu, đào dưới chân
5		có chủ ý phá hoại
6		dự trữ, để dành
7		lòng đỏ trứng
8		tiền trợ cấp cho công việc nguy hiểm
9		thành phần
10		có lí
11		làm trở ngại, hạn chế, ngăn chặn
12		có hiệu lực, có hiệu quả

13		không thích hợp, không hợp
14		cám gạo
15		có ý thức, có chú ý
16		lao thẳng xuống, rơi thẳng xuống
17		luân phiên nhau, lần lượt nhau